

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 19/4/2021
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Công Chi

2/ Bà Huỳnh Thị Lệ

- *Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thùy* - Thư ký Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L tham gia phiên tòa: **Bà Dương Thị Phương Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim D – sinh năm 1994, địa chỉ: Số 207 Đ, thị trấn N, huyện D1, tỉnh Quảng Nam. (*Có mặt*)

- **Bị đơn:** Ông Trần Tuấn T – sinh năm 1989, địa chỉ: K50 P, tổ 22, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. (*Vắng mặt, không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà D tự nguyện kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, TP. Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nhiều vấn đề khác. Đến nay vợ chồng không còn tình cảm. Vợ chồng bà D đã sống ly thân được 04 tháng nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà D đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Tuấn T.

- Về con chung: Bà D và ông Trần Tuấn T chưa có con chung.

- Về quan hệ chia tài sản: Không có tài sản chung và nợ chung.

* **Bị đơn là ông Trần Tuấn T** không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp.

* **Ý kiến của đại diện VKSND quận L:**

Về thủ tục tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn không chấp hành các thông báo của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn bà Nguyễn Thị Kim D và ông Trần Tuấn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho bà D được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim D và anh Trần Tuấn T chưa có con chung nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình tố tụng để giải quyết vụ án này, TAND quận L đã thông báo đề ông Tú biết có mặt tại Tòa án nhằm tiếp cận, công khai các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt, không có lý nên tại phiên tòa hôm nay, HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử ông Trần Tuấn T.

2. Về nội dung tranh chấp:

- Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Trần Tuấn T tự nguyện kết hôn vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 172/2017 ngày 14/12/2017. Do đó, hôn nhân của bà D và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình sinh sống, vợ chồng bà D ông T đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của sự mâu thuẫn do không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống. Hiện nay, vợ chồng ông bà đã sống ly thân nhau được 04 tháng. Điều này cũng phù hợp với xác nhận tại địa phương nơi bà D và ông T đang sinh sống. Hơn nữa, Tòa án đã nhiều lần thông báo yêu cầu ông T có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông T đều thể hiện sự không hợp tác, hoàn toàn không có nguyện vọng hàn gắn cuộc sống vợ chồng với bà D. Điều này thể hiện rõ cuộc sống vợ chồng của bà D đã không hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau. Do đó, HĐXX kết luận: Mâu thuẫn của vợ chồng bà D ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân

này nên yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông T là phù hợp với quy định Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- **Quan hệ con chung:** Bà D khai nhận không có con chung nên Tòa án không xem xét.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà D xác định không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Nếu sau này bà D, ông T có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

2. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Kim D chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D với ông Trần Tuấn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với ông Trần Tuấn T.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có;

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị Kim D phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 000903 ngày 04.01.2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận L – TP Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận L;
- Chi cục THADS quận L;
- UBND phường H.
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Vinh